

Martin Heidegger

Tác Phẩm Triết Học



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MARTIN HEIDEGGER
TÁC PHẨM TRIẾT HỌC

M. HEIDEGGER-TÁC PHẨM TRIẾT HỌC

in theo bản dịch của:

*Trần Công Tiến - Trần Xuân Kiêm -
Phạm Công Thiện - Trương Đăng Dung
Quang Chiến* giới thiệu

★

© TRUNG TÂM VĂN HOÁ - NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

giữ bản quyền về tổ chức, bố cục và trình bày

Tủ sách Triết học Đông Tây

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY
=== & ===

MARTIN HEIDEGGER
TÁC PHẨM TRIẾT HỌC

- Siêu hình học là gì?
- Thư về nhân bản chủ nghĩa
 - Triết lý là gì?
- Trên đường đến với ngôn ngữ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

THAY LỜI GIỚI THIỆU

TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN VỚI HEIDEGGER

Trong thế giới Phương Tây ở nửa sau thế kỷ XX, Martin Heidegger (1889 - 1976) là một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng sâu rộng nhất và cũng là người bị tranh cãi nhiều nhất: những người phản bác ông quyết liệt nói rằng họ không tiếp nhận được bất kỳ một ý nghĩa khả dĩ nào trong các mệnh đề rắc rối và tối tăm mà ông đã nêu ra; những người có thiện chí hơn thì nói ông có lẽ không phải một triết gia mà là một nhà thơ hoặc một nhà ngôn ngữ học có tài; còn những người ái mộ ông lại khẳng định: các tác phẩm triết học của ông là một cột mốc đánh dấu chấm hết cho sự phát triển hơn hai ngàn năm của triết học và mở đường cho một dòng tư duy hoàn toàn mới và khác lạ, thậm chí có những học giả còn gọi Heidegger là "một ông vua thâm trầm của nền triết học Đức" trong thế kỷ XX.

Martin Heidegger im lặng trước mọi sự ồn ào náo nhiệt của các cuộc tranh luận vây quanh ông, không phản bác, không tán thưởng, cùng lắm ông cũng chỉ khẽ gật đầu tỏ ra mình hiểu được những gì người khác nói về mình. Đó là lần ông ngồi ở hàng ghế đầu trong một giảng đường đại học, chăm chú lắng nghe một giáo sư thành Wien giảng giải về

triết thuyết Heidegger. Vị giáo sư này sau khi lên lớp đã nói với đồng nghiệp của mình là ông giảng dễ hiểu, vì có một *bác nông dân* ngồi ở hàng ghế đầu đã có thể hiểu được những gì ông truyền đạt.

Bác nông dân ấy chính là Heidegger, một triết gia Đức đã cùng với Jaspers và Sartre đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển chủ nghĩa hiện sinh ở châu Âu. Nhưng quả thật nhìn bề ngoài thì không ai có thể nghĩ được con người giản dị ấy lại là một triết gia uyên thâm. Việc một giáo sư nhầm lẫn ông với một bác nông dân cũng là điều dễ hiểu, vì Heidegger sống một cuộc đời vô cùng giản dị và khiêm tốn. Ông xuất thân từ một gia đình thợ thủ công ở vùng Rừng Đen nước Đức, nhỏ người, thường ăn mặc theo kiểu dân dã và gắn bó sâu sắc với nơi mình sinh trưởng. Hầu như suốt đời mình Heidegger không chịu rời xa xứ sở một lần nào. Như những người dân trong vùng, Heidegger yêu mến thiên nhiên và miền quê tĩnh lặng, tránh né mọi sự ồn ào của các thành phố lớn và cũng vì thế đã hai lần từ chối lời mời về làm giáo sư triết học tại Berlin.

Có lẽ hiếm có triết gia nào sống giản dị như Heidegger. Ông không ở trong biệt thự sang trọng hay trong căn hộ hiện đại với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt như một người Đức bình thường mà trú ngụ trong căn nhà gỗ đơn sơ bên triền đồi ở khu vực Rừng Đen. Ở nơi ấy, xa lánh mọi cái gọi là nền văn minh hiện đại, Heidegger đã sống như những người dân thuần phác, đi lấy nước từ một cái giếng ở gần đó cho sinh hoạt thường nhật, trò chuyện với nông dân về những gì họ quan tâm và thường ngồi trầm tư trên chiếc ghế gỗ dài đặt trước căn nhà gỗ của mình. Có lẽ trong những giờ phút hòa mình vào thiên nhiên và chìm đắm trong suy tưởng, lặng ngắm mây trôi lơ lửng trên

Rừng Đen, ông đã suy ngẫm nhiều về con người và sự tồn tại người trên trái đất, về nỗi cô đơn phảng phất buồn man mác của thân phận con người...

Cũng như Jaspers, Sartre và nhiều nhà hiện sinh khác, thân phận con người luôn luôn đi về trong mạch tư duy của Heidegger. Trong khi Jaspers đặt con người vào những tình huống giới hạn và khẳng định *sự thất bại cuối cùng gắn chặt với kiếp người* như thể một tất yếu và định mệnh, Sartre nhìn thấy *đời người là kinh tởm, đáng buồn nôn*, thì Heidegger thấy con người sống trong dương thế *như những kẻ bị bỏ rơi*, bị ném vào một thế giới xa lạ không có chốn nương thân nào khác ngoài sự nương tựa vào hoàn cảnh sống của chính mình. Con người là một hiện hữu tồn tại trong thế giới nhưng không biết mình từ đâu đến và đi đâu về đâu, và vì vậy, nơi con người trú ngụ vừa là chốn lưu đầy vừa là nơi cố hương. Với tư cách là một sự hiện sinh, con người bị ném vào thế giới đầy rẫy những hiểm nguy luôn rình rập, bị quăng vào một Tồn tại chới với không quê hương xứ sở để cái Tôi của con người không còn là Tôi nữa mà là một "*người ta*", (man), một phi ngã, và chính trong cõi "*người ta*" ấy con người không hiện tồn với chính mình, không là mình mà chỉ là một ai đó hoặc không là ai cả với ý nghĩa của một đại từ phiếm định. Chính vì lẽ đó Heidegger quan niệm rằng con người trước tiên có sứ mạng là tìm lối ra khỏi "*cõi người ta*" để trở thành chính mình, để tự mình sáng tạo nên mình trong sự ruồng bỏ và lưu đầy nơi trần thế.

Theo ông, sự Hiện hữu của con người là một "*sự Tồn tại-trong-Thế giới*" ("*In-der-Welt-Sein*"). Điều này không có nghĩa là một sự đứng cạnh nhau về mặt không gian của

hai đối thể, cũng không phải là trong không gian ta Tồn-tại-trong-đó ("*Darin-Sein*") hay là một mối quan hệ giữa "khách thể" và "chủ thể" mà Tồn-tại-trong-Thế giới là một *cơ cấu nền tảng của Hiện hữu*. Heidegger cho rằng con người, hay chính xác hơn là Hiện-hữu-người, đã luôn luôn thấy mình hiện diện ở một nơi chốn nhất định ngược lại mọi ý muốn. Nói một cách khác, Hiện-hữu-người không phải một dạng thức chủ động mà ở thể bị động, nó *bị ném vào sự hiện diện của chính mình* ("*geworfen in sein Da*"). Và chính nơi nó phải hiện diện không phải là nơi nó ước mong, nó khát vọng mà là một cõi lưu đầy khổ ải. Vì vậy con người hiện diện trong thế giới gắn liền với *Ưu tư*, Heidegger gọi đó là *Sorge*, là một sự *Lo âu* thường trực trong thân phận con người từ lúc nó cất tiếng khóc vì bị ném vào thế giới cho tới khi kết thúc một Hiện hữu. Cùng với việc *Bị-ném-vào-Thế giới* và *Tồn-tại-trong-Thế giới* con người ưu tư triển miên vì *Ưu tư cũng là một cấu thành nền tảng của Hiện hữu*. Mọi tình cảm, tư duy, hành động của con người đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cơ cấu nền tảng này. Chính vì Ưu tư, vì có quỹ Lo âu (theo cách nói của Goethe) làm tổ trong thân phận con người nên con người mới suy tư để tìm hiểu và nhận thức, để tìm ra lối thoát khỏi một cõi "người ta" (das Man), để trở lại với chính mình và là mình, và cũng chính vì ưu tư mà con người mới hành động. Cho nên theo Heidegger con người tư duy hay hành động đều bắt nguồn từ một động lực duy nhất có tính chất nguyên thủy là ưu tư. Cấu trúc cơ bản này không phải là một hiện tượng (*Erscheinung*), cũng không đồng nhất với các hiện tượng tâm lý mà thuộc về bản-chất-người hoặc nói một cách khác, ưu tư là một vấn đề bản thể luận. Sự ưu tư, lo âu của con người tuy có can hệ đến những cái khác, đến những hiện thể vây quanh nó,

đến các sự vật hiện có ("*das Vorhandene*") hay công cụ ("*das Zeug*") nhưng trong cốt lõi nó luôn can hệ đến hình thái Tồn tại của chính con người.

Một trong những luận đề quan trọng của chủ nghĩa hiện sinh là: "*Đối với con người, Tồn tại có trước bản chất*" (J.P.Sartre). Heidegger cũng quan niệm rằng con người trước hết phải tồn tại, nó được ban phát (hoặc bị ném vào thế giới) để tồn tại rồi sau đó nó mới có bản chất. Có nghĩa là con người là một Hiện hữu và luôn luôn phải quan tâm đến sự Hiện hữu, sự Hoá thành của mình, hoặc nói khác đi, sau khi hiện diện, con người *phải tự làm cho mình thành người* trong những hoàn cảnh khác nhau, và với tư cách là một Hiện hữu trước hết phải hiện thực hóa và thể hiện mình, Hiện hữu của con người mới chỉ là một *phác họa* hay một *dự án* (*Entwurf*) mà thôi. Heidegger coi sự Hiện-hữu-người là một-phác-đồ-người được ném vào thế giới ("*Dasein als geworfener Entwurf*"), nghĩa là một con người cụ thể nào đó mới chỉ là một sự hiện diện thực sự nào đó trong thế giới, nhưng sự hiện diện đó là thế này hay là thế kia sẽ do chính con người tạo nên. Phác-đồ-người trở thành thực thể người (với bản chất tập hợp những thuộc tính nhất định).

Ngoài sự ưu tư hay nỗi lo âu là một cấu thành có trước tiên và thường trực của Hiện hữu, Heidegger cũng nối tiếp Kierkegaard phát biểu rằng: đối với con người, *tâm trạng chủ đạo* chính là *sự sợ hãi* ("*die Angst*"). Con người luôn luôn sống trong tâm trạng kinh hoàng. Nó không sợ hãi gì nhiều trước những hiện thể khác mà là sợ "sự Tồn-tại-trong-Thế giới" hoặc nói chính xác hơn, nó sợ *Khả năng Không Tồn tại của chính mình*. Ai bị vây bủa bởi sợ hãi, người ấy mất đi mọi hiện thực. Và trong nỗi sợ hãi ấy con người đối mặt với cái chết của chính mình. Nhưng cái chết không đến gặp Hiện hữu của con người từ bên ngoài. Cái

chết thuộc về Hiện hữu, nghĩa là: *Hiện hữu chỉ là sự Tồn-tại-đến-cái Chết* ("*Dasein ist nur als Sein-zum-Tod*"). Nhưng theo Heidegger thì chính sự giao tiếp với cái chết của chính mình như là một giới hạn tuyệt đối nên con người càng *thấy rõ ý nghĩa và tính chất cấp thiết đích thực của sự-làm-người*. Nếu con người sống vô hạn thì điều này chẳng có gì là cấp thiết, là quan trọng hay thực tế cả. Sống vô hạn thì con người có thể bình yên nhắm mắt trước tất cả, phó mặc mình cho sự Tồn-tại-trong-Thế giới hay bị quăng ném vào thế giới. Nhưng vì sống trong nỗi sợ hãi không-tồn-tại nên con người cảm nhận được mình *bị ném vào cái chết* ("*in den Tod geworfen*") và *bị đẩy vào Hư không* ("*in das Nichts hineingehalten*"). Và vì sống tức là đang đi về với cái chết, hoặc nói theo cách của Heidegger, sống nghĩa là *"đi trước vào trong cái chết"* nên con người phải nhận thức rõ điều đó để không buông thả mình, không trượt dốc vào những điều vô nghĩa, không để mình rơi vào cỏi "người ta" mà là để khẳng định cuộc sống của mình, một cuộc sống riêng, duy nhất, không thể có gì đánh đổi được. Heidegger quan niệm rằng chính sự tư duy sâu xa về cái chết thuộc về Hiện hữu khiến con người tỉnh ngộ và nhận thức được rằng: cái chết kêu gọi chúng ta tiếp nhận sự hiện sinh của mình và hành động dần bước trong những tháng năm đang sống; cái chết kêu gọi chúng ta hãy dần thân vào một cuộc sống đích thực và riêng biệt trong tự do và với tinh thần tự chịu trách nhiệm. Và con người sẽ thực sự trở thành chính mình trong sự *quyết tâm sẵn sàng chết* ("*todbereite Entschlossenheit*"), *sẵn sàng chấp nhận một sự "hiện sinh hư vô"* ("*nichtige Existenz*"). Con người sẽ trở thành chính mình bằng cách thể hiện mình không theo những quy luật bên ngoài khác lạ mà hãy xuất phát từ thân, vì những nguyên nhân sâu sắc nhất của chính mình mà tồn tại.